

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL - L004, ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ- CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 88/2003/NĐ-CP, ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam đã được Đại hội lần thứ nhất Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam thông qua ngày 10 tháng 6 năm 2008, tại Hà Nội.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

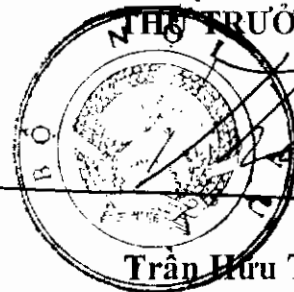
Điều 3. Chủ tịch Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Tuy*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;
- C13 Bộ Công an;
- Lưu VT, TCPCP.

KT. BỘ TRƯỞNG

NHỘ TRƯỞNG



Trần Hữu Thắng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ

HỘI BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM VIỆT NAM

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 1056/QĐ-BNV, ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi của Hội

Tên gọi: Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam.

Tên giao dịch quốc tế: Vietnam Association for Protection of Children's Rights.

Tên viết tắt: VAPCR

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là một tổ chức xã hội nhằm tập hợp, đoàn kết những cá nhân, tổ chức của Việt Nam có tâm huyết, tự nguyện hoạt động phấn đấu cho mục đích làm cho trẻ em được hưởng các quyền cơ bản; tham gia ngăn chặn mọi hành vi xâm hại quyền trẻ em theo quy định của pháp luật quốc gia và Công ước quốc tế về quyền trẻ em. Hội hoạt động không vì mục đích lợi nhuận.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

1. Hội hoạt động theo quy định của pháp luật nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ này.

2. Hội tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, hiệp thương và thống nhất hành động; tự quản, tự trang trải kinh phí và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về lĩnh vực hoạt động của Hội.

Điều 4. Vị trí và phạm vi hoạt động của Hội

1. Hội hoạt động trong phạm vi cả nước theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

2. Hội có tư cách pháp nhân, có tài khoản, con dấu, biểu tượng và cơ quan ngôn luận theo quy định của pháp luật.

3. Trung ương Hội có trụ sở đóng tại Thủ đô Hà Nội.

Chương II **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN**

Điều 5. Nhiệm vụ của Hội

1. Tuyên truyền, vận động, tư vấn, nâng cao nhận thức và năng lực hoạt động cho các hội viên, tổ chức thành viên của Hội.

2. Tham gia giám sát, đánh giá việc thực hiện quyền trẻ em; đóng góp ý kiến, phản biện đối với các chủ trương, chính sách, luật pháp, các chương trình, dự án liên quan đến bảo vệ quyền trẻ em theo quy định của pháp luật. Có chính kiến về những vụ việc vi phạm quyền trẻ em và tham gia ngăn chặn mọi hành vi gây tổn hại cho trẻ em.

3. Xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch, dự án, cung cấp các dịch vụ nhằm bảo vệ các đối tượng trẻ em có nguy cơ bị tổn hại hoặc đang bị tổn hại như: trẻ em bị ngược đãi, bị bạo hành; trẻ em bị buôn bán; trẻ em bị xâm hại tình dục; trẻ em nghiện ma túy; trẻ em vi phạm pháp luật; trẻ em phải lao động nặng nhọc, độc hại, làm việc xa gia đình; trẻ em nghèo ở vùng xa, vùng sâu, vùng ven biển, vùng đặc biệt khó khăn, ...

4. Xây dựng, củng cố và phát triển tổ chức, mạng lưới hội viên; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên và tổ chức thành viên của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Hợp tác nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nhận thức và năng lực, kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn; chia sẻ thông tin, kinh nghiệm cho các hội viên, tổ chức thành viên của Hội và các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan nhằm thực hiện mục đích, nhiệm vụ của Hội.

6. Vận động nguồn lực, kêu gọi sự đóng góp và tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản, quà tặng, các khoản tài trợ và khoản phúc lợi khác để gây quỹ Hội theo cam kết của nhà tài trợ và theo quy định của pháp luật.

7. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyền hạn của Hội

1. Tổ chức và hoạt động theo Điều lệ Hội; tuyên truyền, phổ biến tôn chỉ, mục đích của Hội; kết nạp và xóa tên hội viên; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội và hội viên.

2. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài nghiên cứu, khảo sát; tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn; tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng về bảo vệ quyền trẻ em để thực hiện nhiệm vụ của Hội theo quy định của pháp luật.

3. Truyền thông, tư vấn, phản biện, giám sát về những vấn đề liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ quyền trẻ em theo quy định của pháp luật.

4. Tham gia và đóng góp ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật, các chương trình, kế hoạch, dự án có liên quan đến bảo vệ quyền trẻ em khi được yêu cầu.

5. Tổ chức xây dựng và thực hiện các chiến lược, kế hoạch, các chương trình hành động, các đề án, dự án có liên quan đến bảo vệ quyền trẻ em.

6. Hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật về lĩnh vực bảo vệ quyền trẻ em.

7. Gây quỹ Hội, từ hội phí do hội viên đóng góp; vận động và nhận các nguồn tài trợ của các cơ quan, đoàn thể, tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 7. Hội viên của Hội

1. Hội viên chính thức là các cơ quan, tổ chức, đơn vị và công dân Việt Nam có tâm huyết, trách nhiệm, có điều kiện tham gia công tác hội, tán thành điều lệ Hội, tự nguyện làm đơn gia nhập Hội, được Ban Thường vụ xem xét công nhận.

2. Hội viên danh dự là công dân Việt nam có uy tín trong xã hội, không có điều kiện trở thành hội viên của Hội nhưng có đóng góp cho Hội, có thể được công nhận là hội viên danh dự. Hội viên danh dự có nhiệm vụ chấp hành Điều lệ Hội, nhưng không tham gia ứng cử, bầu cử vào các chức danh lãnh đạo Hội, không phải đóng hội phí.

3. Trung ương Hội quản lý danh sách, hồ sơ và tài liệu về hội viên và các tổ chức trực thuộc Hội.

Điều 8. Quyền của hội viên

1. Được dân chủ, bình đẳng khi thảo luận và biểu quyết các vấn đề của Hội; được ứng cử, đề cử vào các chức danh lãnh đạo Hội; được chất vấn lãnh đạo Hội về chủ trương và hoạt động của Hội.

2. Được cấp Thẻ hội viên.

3. Được đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn; chia sẻ, cung cấp thông tin, kinh nghiệm về hoạt động bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trong phạm vi, quyền hạn của Hội, theo quy định của pháp luật.

4. Được quyền xin ra khỏi Hội và tham gia các hội khác.

Điều 9. Trách nhiệm của hội viên

1. Tham gia các hoạt động của Hội và sinh hoạt trong một tổ chức của Hội.

2. Chấp hành Điều lệ Hội, Nghị quyết của Đại hội, Ban chấp hành và Ban Thường vụ Trung ương Hội.

3. Tuyên truyền phát triển hội viên mới, đoàn kết hợp tác để cùng nhau thực hiện mục đích vì sự phát triển của Hội.

4. Đóng hội phí theo quy định.

Điều 10. Thẻ hội viên

Thẻ hội viên do Ban Chấp hành Trung ương Hội quy định, đồng thời quản lý việc cấp phát, sử dụng.

Chương IV

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 11. Tổ chức của Hội

1. Hội Bảo vệ quyền trẻ em được thành lập ở trung ương và địa phương.

2. Ở Trung ương: Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam có phạm vi hoạt động toàn quốc, do Bộ trưởng Bộ Nội vụ cho phép thành lập.

3. Ở địa phương: Hội Bảo vệ quyền trẻ em hoạt động trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cho phép thành lập theo nhu cầu của địa phương.

4. Chi hội trực thuộc Hội được thành lập ở cơ quan, đơn vị, tổ chức, ngành, nghề và khu dân cư.

Tổ chức và hoạt động của Chi hội thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 12. Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội

1. Đại hội đại biểu toàn quốc là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội.

a) Đại hội đại biểu toàn quốc do Ban Chấp hành Trung ương Hội triệu tập, được tổ chức 5 năm một lần.

b) Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất hai phần ba số ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội yêu cầu hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

c) Số lượng đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc do Ban Chấp hành Trung ương Hội quy định.

d) Việc quyết định các nội dung của Đại hội được thông qua bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết do Đại hội quyết định.

2. Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội có nhiệm vụ:

a) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ công tác trong nhiệm kỳ mới;

b) Thảo luận, sửa đổi, bổ sung và biểu quyết thông qua Điều lệ hoặc đổi tên Hội, quyết định việc chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội;

c) Thảo luận, góp ý kiến vào báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Trung ương Hội và báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra Trung ương Hội;

e) Thông qua Nghị quyết Đại hội.

Điều 13. Ban Chấp hành Trung ương Hội

1. Ban Chấp hành Trung ương Hội (sau đây viết tắt là Ban Chấp hành) là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội giữa hai nhiệm kỳ Đại hội. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành là 5 năm.

Số lượng ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội đại biểu toàn quốc quyết định.

2. Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế và Điều lệ Hội.

Ban Chấp hành họp thường kỳ mỗi năm một lần; khi cần thiết có thể họp bất thường. Các quyết định, nghị quyết của Ban Chấp hành được thông qua và có hiệu lực khi có trên 50% tổng số ủy viên chính thức dự họp tán thành. Trường hợp ngang nhau thì bên có ý kiến của Chủ tịch Hội sẽ được chấp thuận.

3. Ban Chấp hành có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Quyết định các biện pháp thực hiện nghị quyết, chương trình hoạt động trong nhiệm kỳ của Đại hội;

b) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm hoặc giữa các kỳ họp của Ban Chấp hành;

c) Thông qua kế hoạch và quyết toán tài chính nhiệm kỳ và hàng năm của Hội;

d) Bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Trung ương Hội. Số ủy viên bầu bổ sung không được quá 10% số ủy viên do Đại hội quy định.

Việc bầu cử bổ sung các chức danh lãnh đạo Hội phải được 2/3 (hai phần ba) số ủy viên chính thức có mặt tán thành.

Quyết định cho rút tên và bầu bổ sung các chức danh do Ban chấp hành Trung ương bầu ra.

e) Quy định cụ thể các nguyên tắc, chế độ quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội, theo quy định của pháp luật;

g) Xem xét bổ sung, sửa đổi các quy định cụ thể về thực hiện Điều lệ Hội;

h) Xem xét, quyết định khen thưởng và kỷ luật Ủy viên Ban Chấp hành;

i) Chuẩn bị nội dung, chương trình nghị sự và các tài liệu phục vụ Đại hội (kể cả Đại hội bất thường) và Hội nghị toàn thể hàng năm;

k) Quyết định triệu tập Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường.

Điều 14. Ban Thường vụ Trung ương Hội

1. Ban Thường vụ Trung ương Hội (sau đây gọi tắt là Ban Thường vụ) gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và một số Ủy viên. Số lượng Ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định nhưng không được quá 1/3 (một phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành.

2. Ban Thường vụ là cơ quan thường trực của Ban Chấp hành. Ban Thường vụ định kỳ họp 3 tháng một lần. Các cuộc họp của Ban Thường vụ cần có mặt ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên có mặt và mọi quyết định phải được đa số các ủy viên dự họp tán thành.

3. Ban Thường vụ có những nhiệm vụ sau đây:

a) Chỉ đạo, điều hành các công việc của Hội giữa hai kỳ họp Ban chấp hành;

b) Báo cáo kiểm điểm công tác trong các kỳ họp của Ban chấp hành.

4. Ban Thường vụ có những quyền hạn sau đây:

a) Quyết định thành lập Hội đồng khoa học, các Ban chuyên môn và các tổ chức trực thuộc Hội khi có nhu cầu, quy định quy chế tổ chức hoạt động của Văn phòng trung ương Hội theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định khen thưởng hội viên; công nhận hội viên mới, xóa tên và thu hồi Thẻ hội viên của Hội khi vi phạm pháp luật và Điều lệ Hội;

c) Quyết định cử cán bộ Hội đi dự hội nghị, hội thảo, tập huấn, đi công tác trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Ban Kiểm tra Trung ương Hội

1. Ban Kiểm tra Trung ương Hội do Đại hội bầu, gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban và từ 03 đến 05 Ủy viên. Trưởng ban được bầu ra trong số các ủy viên Ban Thường vụ.

2. Ban Kiểm tra có nhiệm vụ giám sát các hội viên và tổ chức thành viên của Hội trong việc chấp hành Điều lệ Hội; việc thực hiện các chủ trương của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội và xem xét giải quyết khiếu nại, tố cáo hội viên, tổ chức thành viên của Hội và các Chi hội.

3. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra theo nhiệm kỳ của Đại hội.

Điều 16. Chủ tịch và Phó Chủ tịch của Trung ương Hội

1. Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Hội (gọi tắt là Chủ tịch Hội) có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Nhà nước về mọi hoạt động của Hội; đại diện cho Hội trong quan hệ đối nội, đối ngoại và làm chủ tài khoản của Hội;

b) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội; Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ;

c) Chủ trì và kết luận các cuộc họp của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ;

d) Bổ nhiệm lãnh đạo Văn phòng, các ban, đơn vị và các tổ chức trực thuộc Hội sau khi đã được Ban Thường vụ thông qua;

e) Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành và toàn thể hội viên về các hoạt động của Hội.

2. Phó Chủ tịch Hội là người giúp việc cho Chủ tịch trong công tác quản lý, điều hành Hội; được Chủ tịch uỷ nhiệm và phân công trực tiếp quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực công việc cụ thể; được uỷ quyền quản lý, điều hành công việc của Ban Chấp hành khi Chủ tịch vắng mặt.

Điều 17. Văn phòng Trung ương Hội, các ban, đơn vị và các tổ chức trực thuộc Hội

1. Văn phòng Trung ương Hội có nhiệm vụ theo dõi, tổng hợp tình hình hoạt động của Hội giúp Ban Thường vụ điều phối các hoạt động của Hội.

2. Các ban thuộc Hội có nhiệm vụ tham mưu, đề xuất cho Ban Chấp hành và Ban Thường vụ về các mặt hoạt động trong lĩnh vực mình phụ trách.

3. Văn phòng và các ban thuộc Hội hoạt động theo quy chế do Ban Thường vụ phê duyệt. Tổ chức bộ máy, kinh phí hoạt động do Ban Chấp hành phê duyệt hàng năm.

4. Hội có thể thành lập một số đơn vị, tổ chức trực thuộc Hội để hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, dịch vụ, tư vấn về bảo vệ quyền trẻ em. Việc thành lập các đơn vị, tổ chức thuộc Hội theo quy định của pháp luật về hội.

Điều 18. Chi hội

1. Chi hội là đơn vị cơ sở của Hội.

2. Chi hội tổ chức Đại hội 5 năm một lần.

3. Chi hội có dưới 9 hội viên bầu Chi hội trưởng, nếu cần thiết bầu Chi hội phó. Chi hội có 9 hội viên trở lên bầu Ban Chấp hành Chi hội.

Chương V TÀI CHÍNH CỦA HỘI

Điều 19. Tài chính

Hội hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, được quản lý theo Điều lệ Hội và theo quy định của pháp luật.

1. Nguồn thu của Hội gồm:

a) Hội phí do hội viên đóng;

b) Khoản thu do hội viên tự nguyện ủng hộ;

c) Các khoản hỗ trợ của Nhà nước, các cơ quan, đoàn thể; sự tài trợ hợp pháp của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước;

d) Các khoản thu từ các hoạt động tư vấn, phản biện, thẩm định dự án, thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, các hoạt động dịch vụ, đào tạo và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản chi của Hội gồm:

a) Chi cho các hoạt động của Hội; các chương trình, dự án liên quan đến bảo vệ quyền trẻ em;

b) Trả lương và các chế độ cho cán bộ, nhân viên chuyên trách theo quy định của pháp luật;

c) Chi xây dựng hoặc thuê trụ sở làm việc, điện nước, mua sắm phương tiện làm việc;

d) Chi đầu tư phát triển Hội;

e) Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

Chương VI.
KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 20. Khen thưởng

1. Hội viên và tổ chức trực thuộc Hội có thành tích xuất sắc trong công tác sẽ được Ban Thường vụ xem xét khen thưởng hoặc đề nghị Nhà nước khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Các công dân, tổ chức, doanh nghiệp có đóng góp về vật chất và tinh thần cho Hội sẽ được Ban Thường vụ Trung ương Hội xem xét khen thưởng.

Điều 21. Kỷ luật

1. Hội viên hoạt động trái với Điều lệ Hội, làm tổn hại đến danh dự và uy tín của Hội phải chịu các hình thức kỷ luật của Hội do Ban Thường vụ Trung ương Hội xem xét, quyết định.

2. Hội viên sẽ bị xóa tên trong danh sách và thu hồi Thẻ hội viên trong các trường hợp vi phạm pháp luật của Nhà nước, Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em và Điều lệ Hội.

Chương VII.
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này gồm 7 chương, 22 điều đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam thông qua ngày 10 tháng 06 năm 2008, tại Hà Nội và chỉ Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội mới có thẩm quyền xem xét, bổ sung, sửa đổi một cách cơ bản hoặc toàn diện Điều lệ Hội.

2. Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt theo quy định của pháp luật./.